

Bản án số: 03/2025/DS-ST

Ngày: 12-02-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiêm

2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1971; nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

- Đồng bị đơn: Anh Giáp Văn M, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1980; cùng nơi thường trú: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang (đều vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Dương Thị K, sinh năm 1975; người đại diện theo ủy quyền của chị Dương Thị K: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1971; cùng nơi thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Theo Giấy ủy quyền ngày 20/01/2025 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Hoàng Văn T trình bày:

Gia đình anh kinh doanh đại lý bán thức ăn chăn nuôi. Vợ chồng anh Giáp

Văn M, chị Nguyễn Thị T1 chăn nuôi vịt, lợn và có mua thức ăn chăn nuôi của nhà anh từ năm 2020. Khi mua thức ăn chăn nuôi thì anh M, chị T1 không trả tiền ngay mà ký nợ trong sổ theo dõi mua bán của anh, khi bán lúa vịt hoặc lợn thì sẽ thanh toán.

Trong sổ theo dõi tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi mà anh giao nộp cho Tòa án thì số tiền trước đó anh M, chị T1 còn nợ là 62.929.000 đồng. Sau đó từ ngày 11/6/2022 dương lịch, anh M, chị T1 tiếp tục mua thức ăn nuôi lợn và có chốt lại các ngày như anh đã ghi trong sổ theo dõi. Cụ thể các lần anh M, chị T1 viết chữ xác nhận trong sổ của anh như sau:

- Ngày 13/5/2023 chị T1 hẹn đến ngày 5/7/2023 sẽ trả hết tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi 102.572.000 đồng, nếu không trả hết thì sẽ phải chịu lãi theo lãi suất ngân hàng. Tại mặt 2 trang 1, chị T1 ghi “13/5 hẹn anh T 5/7 em trả anh T phải trừ theo lãi ngân hàng” và ký tên Nguyễn Thị T1.

- Ngày 30/10/2023 anh M hẹn sau 30 ngày sẽ trả hết tiền nợ 110.266.000 đồng. Tại mặt 1 trang 2, anh M ghi “hẹn 30 ngày trả nốt” và ký tên Giáp Văn M.

- Ngày 11/3/2024 dương lịch (ngày 02/02/2024 âm lịch) anh M chốt nợ với anh còn nợ 159.116.000 đồng. Tại mặt 2 trang 2, anh M ghi “Tổng vợ chồng Mạnh T2 nợ anh T tiền cám đến ngày 11/3/2024 dương lịch (ngày 02/02/2024 âm lịch) 159.116.000 đồng, không phát sinh thêm và ký tên M.

- Ngày 26/10/2024 dương lịch anh và anh M chốt nợ còn 173.991.000 đồng. Anh M hẹn đến ngày 29/9/2024 âm lịch (ngày 31/10/2024 dương lịch) sẽ trả hết. Tại mặt 2 trang 3, anh M ghi “Hôm nay 26/10/2024 dương lịch 173.991.000 đồng hẹn 29/9/2024 âm trả anh”.

- Ngày 26/9/2024 âm lịch (ngày 27/10/2024 dương lịch) anh có bán thêm cho anh M, chị T2 05 bao cám, chị T2 ký xác nhận trong sổ. Sau đó anh không đồng ý bán thức ăn chăn nuôi cho anh M, chị T2 nữa vì đã sai hẹn trả nợ nhiều lần.

Đến ngày 29/9/2024 âm lịch (ngày 31/10/2024 dương lịch) theo hẹn trả thì anh M, chị T2 chỉ trả được thêm 20.000.000 đồng, còn nợ 155.561.000 đồng. Từ đó đến nay, anh M, chị T2 không trả thêm cho anh được lần nào nữa. Nay anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 155.561.000 đồng.

* Đối với đồng bị đơn là anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1: Tại bản tự khai ngày 25/12/2024, anh Giáp Văn M trình bày không còn nợ gì anh T. Tại biên bản làm việc ngày 26/12/2024, anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị Thân

xác N đã nhận được Thông báo về việc thụ ý vụ án số 170/TB-TLVA ngày 03/12/2024 và các văn bản tố tụng trong vụ án mà Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã gửi qua đường bưu điện. Chị T1 không trình bày ý kiến liên quan đến nội dung vụ án. Anh M trình bày anh đã trả hết tiền mua thức ăn chăn nuôi cho anh Hoàng Văn T, vì vậy anh không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên. Anh M không cung cấp lời khai trình bày về nội dung liên quan đến quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi với anh T, chứng cứ chứng minh về việc đã trả hết nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị K trình bày: Vợ chồng anh Giáp Văn M, chị Nguyễn Thị T1 chăn nuôi vịt, lợn và có mua thức ăn chăn nuôi của vợ chồng chị. Khi mua thức ăn chăn nuôi thì anh M, chị T1 không trả tiền ngay mà ký nợ trong sổ theo dõi mua bán, khi bán lứa vịt hoặc lợn thì sẽ thanh toán. Các lần chót nợ giữa hai bên như anh T đã trình bày. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Hoàng Văn T, yêu cầu vợ chồng anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 trả vợ chồng chị số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 155.561.000 đồng.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị K đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đồng bị đơn anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: buộc vợ chồng anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả vợ chồng anh Hoàng Văn T, chị Dương Thị K số tiền 155.561.000 đồng.

Ngoài ra còn đề nghị về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xác định quan hệ là: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn có nơi cư trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc vợ chồng anh Giáp Văn M, chị Nguyễn Thị T1 trả nợ chồng anh số tiền còn nợ khi mua thức ăn chăn nuôi là 155.561.000đồng:

Bị đơn là anh Giáp Văn M thừa nhận có mua cám của anh T, chữ ký nhận nợ đúng là của mình, có nợ anh T tiền nhưng đã trả hết nợ. Tuy nhiên anh M không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh đã trả hết nợ cho anh T. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết vụ án theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là giấy nhận nợ có chữ ký của vợ chồng anh Giáp Văn M, chị Nguyễn Thị T1. Có căn cứ để xác định: Từ năm 2020 đến năm 2024, anh M, chị T1 có mua bán thức ăn chăn nuôi của anh T, chị K. Đến ngày 31/10/2024, các bên chốt nợ thì bên mua còn nợ số tiền là 155.561.000đồng. Nay bên mua không trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Về nghĩa vụ trả nợ: Chị T1 không có ý kiến gì nhưng trong chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp có chữ ký của chị T1. Việc chăn nuôi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Nên căn cứ theo quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình số tiền 155.561.000đồng là khoản nợ chung của vợ chồng anh M, chị T1 đối với vợ chồng anh T, chị K.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của của anh T về việc buộc vợ chồng anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả anh và chị K số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 155.561.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh T không yêu cầu anh M, chị T1 phải trả tiền lãi của số tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về lãi suất chậm thi hành án: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để ấn định mức lãi suất chậm thi hành án.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên anh M, chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $155.561.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.778.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trả lại anh Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh Giáp Văn M và chị Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả vợ chồng anh Hoàng Văn T và chị Dương Thị K số tiền 155.561.000VNĐ (một trăm lăm mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh Giáp Văn M, chị Nguyễn Thị T1 phải chịu 7.778.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Hoàng Văn T 3.889.000 đồng (ba triệu tám trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003279 ngày 03 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đồng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu